

QUẢN LÝ RỪNG CỘNG ĐỒNG CỦA NGƯỜI M'NÔNG Ở HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐẮK NÔNG: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Phan Quang Trung

Viện Khoa học xã hội vùng Tây Nguyên

Tóm tắt: Quản lý rừng cộng đồng là một phương thức quản lý dựa vào kiến thức kinh nghiệm truyền thống và nguyện vọng của cộng đồng, hướng đến việc nâng cao năng lực và tăng cường sự hợp tác chia sẻ kinh nghiệm cho cộng đồng và các bên liên quan nhằm quản lý nguồn tài nguyên bền vững và góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của các cộng đồng dân tộc thiểu số sống trong và gần rừng. Dựa trên phương pháp nghiên cứu định tính, bài viết nêu lên một số nét khái quát về thực trạng quản lý rừng cộng đồng của người M'Nông ở huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm quản lý hiệu quả tài nguyên rừng cộng đồng ở địa phương trong giai đoạn tới.

Từ khóa: Quản lý rừng cộng đồng, người M'Nông, tài nguyên rừng, Krông Nô, Đắk Nông.

Nhận bài ngày 16.8.2020; gửi phản biện, chỉnh sửa và duyệt đăng ngày 20.9.2020

Liên hệ tác giả: Phan Quang Trung; Email: quangtrungphan@gmail.com

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong truyền thống các cộng đồng dân tộc thiểu số, quản lý tài nguyên thiên nhiên đã được hình thành trên cơ sở các luật tục, quy định và được phát triển trong tiến trình tồn tại và thích ứng với môi trường của các cộng đồng. Bên trong nó chứa đựng một kho tàng kiến thức kinh nghiệm về sinh thái, kỹ thuật, nhân văn; các định chế ràng buộc các thành viên trong cộng đồng. Tuy nhiên, trải qua các thời kỳ hệ thống kiến thức sinh thái địa phương cũng đang dần bị mai một, năng lực tự quản của các cộng đồng đang bị giảm sút. Trong vài thập kỷ qua, việc đứng ngoài cuộc của các cộng đồng trong quản lý rừng cũng như đói nghèo đã làm cho công tác quản lý rừng trở nên khó khăn, tài nguyên rừng giảm sút nghiêm trọng và không mang lại hiệu quả trong cải thiện đời sống cư dân địa phương. Vì vậy, vấn đề đặt ra là làm thế nào thu hút được sự tham gia của cộng đồng, phát huy được các truyền thống quý của các dân tộc trong quản lý rừng để tạo tiền đề cho quản lý rừng bền vững và góp phần nâng cao đời sống của người dân sống gần rừng. Năm 2008, thực hiện chương trình thí điểm lâm nghiệp cộng đồng, UBND huyện Krông Nô triển khai giao 1.900,2 ha cho cộng đồng thôn Phú Lợi và cộng đồng Bon Choih để quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, trong đó tổng diện tích rừng tự nhiên là 1.723,8 ha. Cộng đồng ở đây được đào tạo để nâng cao năng lực trong quản lý rừng như: xây dựng và thực hiện quy ước bảo vệ và phát triển rừng; lập và

thực hiện kế hoạch quản lý; áp dụng các biện pháp lâm sinh trong nuôi dưỡng rừng, trồng rừng, tổ chức bảo vệ rừng. Tuy nhiên, Trải qua hơn mười năm thì mô hình này vẫn đang đối mặt với sự phát triển thiếu bền vững, rừng vẫn không được quản lý tốt do những vướng mắc của cơ chế chính sách; địa vị pháp lý của cộng đồng chưa thực sự rõ ràng; những bất cập về kỹ thuật trong quản lý rừng cộng đồng; hưởng lợi từ rừng trong quản lý rừng cộng đồng còn nhiều bất cập,... Bài viết nêu lên một số nét khái quát về thực trạng quản lý rừng cộng đồng của người M'Nông ở huyện Krông Nô, từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm quản lý hiệu quả tài nguyên rừng cộng đồng ở địa phương trong giai đoạn tới.

2. NỘI DUNG

2.1. Thực trạng quản lý rừng cộng đồng của người M'Nông ở huyện Krông Nô

2.1.1. Tiến trình quản lý rừng cộng đồng của người M'Nông ở huyện Krông Nô

Quan niệm sở hữu cộng đồng truyền thống trong quản lý tài nguyên rừng là một thực tiễn không thể phủ định, dù được thể chế hóa hoặc không thừa nhận thì nó vẫn tồn tại bởi đây là đặc trưng cơ bản của văn hoá và quan hệ cộng đồng của người M'Nông đã có từ lâu đời. Phần lớn cộng đồng quản lý, bảo vệ đất rừng chủ yếu là để duy trì không gian tín ngưỡng và quỹ tài nguyên cho sinh kế. Rừng cộng đồng gắn liền với bảo vệ môi trường của bon, đặc biệt là bảo vệ, duy trì nguồn nước cho cộng đồng, góp phần vào việc đáp ứng những yêu cầu về xã hội như niềm tin tín ngưỡng, văn hóa truyền thống. Quan niệm của họ là rừng núi thuộc quyền sở hữu của cộng đồng (bon). Vì thế, không một ai (cá nhân, dòng họ) được vi phạm những quy định do cộng đồng đặt ra, không một ai được lấy làm tài sản riêng. Để thiêng hóa quyền sở hữu cộng đồng này, họ quan niệm rừng, núi, sông, suối của bon được các thần linh bảo trợ. Quan niệm sở hữu cộng đồng truyền thống còn ảnh hưởng nhất định đến nhận thức, thói quen của đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ hỗ trợ thực thi hiệu quả các quy định quản lý, sử dụng rừng. Do đó, việc thừa nhận cộng đồng là một chủ thể có pháp nhân luôn có lợi cho công tác quản lý rừng. Tại thời điểm năm 2008, hai cộng đồng ở huyện Krông Nô được Nhà nước giao đất, giao rừng với diện tích 1.900,2 ha, gồm:

Bảng 1. Giao đất giao rừng cho cộng đồng ở huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông

STT	Cộng đồng	Số hộ	Hình thức giao	Diện tích	Ghi chú
1	Giao rừng thôn Phú Lợi, xã Quảng Phú huyện Krông Nô.	166 hộ	Cộng đồng	1500,5 ha thuộc tiểu khu 1333 và tiểu khu 1334	Có QĐ giao đất, giao rừng
2	Giao rừng Bon Choih, xã Đức Xuyên, huyện Krông Nô.	50 hộ	Cộng đồng	399,7 ha thuộc tiểu khu 1298	Có QĐ giao đất, giao rừng

(Nguồn: Phương án giao đất lâm nghiệp tại thôn Phú Lợi và Bon Choih năm 2008)

Trường hợp ở Cộng đồng thôn Phú Lợi quản lý. Thôn hình thành từ năm 1975. Toàn thôn có 166 hộ, dân tộc M'Nông chiếm 100%. Trước đây tất cả đều sinh sống bằng nghề nông lâm nghiệp và làm thuê. Toàn thôn có 45,6ha ruộng nước; 93ha Cao su; 15,7 ha đất

vườn. Ngày 24/09/2008 của UBND huyện Krông Nô ban hành Quyết định số 1609B/QĐ-UB, “về việc giao 1.500,5 ha đất lâm nghiệp cho cộng đồng thôn Phú Lợi, xã Quảng Phú, Krông Nô, Đắk Nông”, theo đó: Đất có rừng là 1.362,6 ha; Đất không có rừng là 137,9 ha. Thôn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên diện tích được giao.

Bảng 2. Hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp giao cho thôn Phú Lợi năm 2008

Đơn vị tính: ha, m³, cây

TT	Loại rừng	Diện tích	Trữ lượng			
			Gỗ		Lò ô- Nứa	
			Bq/Ha	Tổng số	Bq/Ha	Tổng số
	Tổng diện tích	1.500,5				
I	Đất có rừng	1362.6		126.370		3.328.017,5
1	Rừng gỗ TB (IIIa2)	21,4	225,6	4.827,8		
2	Rừng HG gỗ, tre nửa	1.125,3	101,2	113.880,4	2.304,5	2.593.253,8
3	Rừng HG tre nửa, gỗ	138,3	55,4	7.661,8	3.115	430.804,5
4	Rừng tre nửa	77,6			3.917	303.959,2
II	Đất không rừng	137,9				

(Nguồn: Phương án giao đất lâm nghiệp tại thôn Phú lợi năm 2008)

Trường hợp ở Cộng đồng Bon Choih quản lý. Cộng đồng Bon Choih xã Đức Xuyên bao gồm 26 hộ người dân tộc Mơ Nông (Bon Choih) và 24 hộ người dân tộc Kinh di cư từ Quảng Nam vào sinh sống cùng Buôn làng từ trước năm 1980. Khu dân cư nằm cách huyện Krông Nô khoảng 30 km. Ngày 16/12/2008 của UBND huyện Krông Nô ban hành Quyết định số 2388/QĐ-UB “về việc giao 399,7 ha đất lâm nghiệp cho cộng đồng Bon Choih, xã Đức Xuyên, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông”, theo đó: Đất có rừng là 361,2 ha; Đất không có rừng là 38,5 ha. Bon đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên diện tích được giao.

Bảng 3. Hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp giao cho Bon Choil năm 2008

Đơn vị tính: ha, m³, cây

TT	Loại rừng	Diện tích	Trữ lượng			
			Gỗ		Lò ô- Nứa	
			Bq/ Ha	Tổng số	Bq/Ha	Tổng số
	Tổng diện tích	399,7				
I	Đất có rừng	361,2		32.091,8		1.215,83
1	Rừng gỗ TB (IIIa2)	3,5	221,7	775,9		
2	Rừng HG gỗ, tre nửa	263,4		27.110,9		713,31
3	Rừng HG tre nửa, gỗ	69,7		4.205,0		330,06
4	Rừng tre nửa	24,6				172,46
II	Đất không rừng	38,5				
1	Đất trống	16,9				
2	Rẫy	21,6				

(Nguồn: *Phương án giao đất lâm nghiệp tại Bon Choil năm 2008*)

Giao rừng tự nhiên cho các thôn, bon ở xã Quảng Phú và Đức Xuyên được tiến hành bởi dự án ETSP năm 2008. Tiến trình thực hiện là UBND huyện lựa chọn thôn dựa vào ý kiến tư vấn của dự án. Các tiêu chí được đưa ra để lựa chọn thôn bao gồm: Nơi cộng đồng sống phụ thuộc vào rừng và đất rừng; còn truyền thống tổ chức quản lý rừng cộng đồng; nơi cộng đồng có mối quan tâm cao đến quản lý tài nguyên rừng trong phát triển; bảo vệ rừng tập trung không hiệu quả, áp lực lên tài nguyên rừng lớn; cơ sở hạ tầng thông tin thị trường yếu kém nên cần tổ chức quản lý rừng phi tập trung; không có tranh chấp giữa các thôn về ranh giới giao đất giao rừng.

2.1.2. Cấu trúc quản lý rừng cộng đồng

Cấu trúc các bộ phận: Qua trường hợp nghiên cứu quản lý rừng cộng đồng thôn Phú Lợi xã Quảng Phú và Bon Choil xã Đức Xuyên trên địa bàn huyện Krông Nô thấy rằng cấu trúc tổ chức quản lý rừng cộng đồng/thôn gồm 2 bộ phận chính: (1) Bộ phận chủ thể quản lý rừng/chủ rừng và (2) Bộ phận nhà nước quản lý rừng. Có thể nói các bộ phận cấu tạo nên bộ máy quản lý rừng khá tương đồng với nhau giữa các thôn rừng giao cho cộng đồng. Lý do dẫn đến sự tương đồng này xuất phát từ bộ phận quản lý Nhà nước thiết lập nên hai mô hình quản lý rừng của hai thôn đều là một nhóm thúc đẩy QLRCĐ của huyện, áp dụng một quy trình QLRCĐ do Dự án nâng cao năng lực phục vụ nông lâm nghiệp vùng cao (gọi tắt là dự án ETSP) đề xuất. (i). Bộ phận chủ thể quản lý rừng bao gồm Ban quản lý rừng thôn, tổ quản lý rừng, các hộ gia đình trong cộng đồng. *Ban quản lý rừng cộng đồng* thôn Phú Lợi gồm có 4 người, bao gồm thôn trưởng kiêm trưởng Ban quản lý rừng cộng đồng, có một phó trưởng ban là già làng trong thôn, một thành viên là hội trưởng hội nông dân thôn, một thành viên khác là phụ nữ đang giữ chức hội trưởng hội phụ nữ thôn. *Tổ quản lý rừng cộng đồng*: Cấu trúc của tổ quản lý rừng được chia làm 4 tổ nòng cốt, mỗi tổ có 4 thành viên tương ứng được phân công quản lý 4 khoảnh rừng tự nhiên được giao cho thôn. Thành viên của tổ bao gồm các tổ trưởng, tổ phó các tổ dân cư, có 3 thành viên là người dân bình thường, thành viên của cộng đồng có đời sống khá gắn bó với rừng, thường xuyên đi rừng có nhiều thông tin phục vụ cho việc bảo vệ rừng của cộng đồng. *Các thành viên trong cộng đồng*: Trong thôn gồm có 166 hộ gia đình, được chia thành 4 tổ dân cư. Trong thôn có 14 hộ không có điều kiện tham gia quản lý rừng cộng đồng do già yếu, không có sức lao động. Các hộ khác đều tham gia các hoạt động quản lý rừng của thôn. *Bộ phận quản lý Nhà nước*: Cơ quan quản lý Nhà nước về quản lý và phát triển nghề rừng ở địa phương bao gồm Phòng nông nghiệp & phát triển nông thôn, Hạt kiểm lâm, UBND xã. Bộ phận quản lý Nhà nước do cấp quản lý Nhà nước có thẩm quyền thành lập, các chức năng nhiệm vụ được quy định như sau: Quản lý rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn xã về mặt danh sách chủ rừng, diện tích, ranh giới các chủ rừng; các bản kế ước giao rừng; các hợp đồng giao nhận khoán bảo vệ, khoanh nuôi, tái sinh và trồng rừng giữa các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân trong xã. chỉ đạo các thôn xây dựng và thực hiện quy ước quản lý, bảo vệ, xây dựng và sử dụng các khu rừng trên địa bàn xã phù hợp với pháp luật hiện hành. Trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch của huyện, lập quy hoạch, kế hoạch bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng và đất lâm nghiệp trình Hội đồng nhân

dân xã thông qua trước khi trình UBND huyện phê duyệt; tổ chức thực hiện việc giao đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân theo sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân huyện, xác định ranh giới rừng và đất lâm nghiệp cho các chủ rừng trên thực địa; theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, biến động đất lâm nghiệp. Tuy nhiên, Cho đến nay chưa có sự phân công rõ ràng về nhiệm vụ thiết lập, hỗ trợ quản lý rừng cộng đồng, hộ gia đình của các cơ quan chức năng ở huyện và xã, kết quả phỏng vấn 6 cán bộ lâm nghiệp và kiểm lâm đều không rõ trách nhiệm trong hỗ trợ, kiểm tra, giám sát rừng cộng đồng. Một số cán bộ huyện, xã tham gia trong các đợt thiết lập quản lý rừng cộng đồng chỉ làm theo một số dự án tài trợ thử nghiệm. Giữa các cơ quan liên quan quản lý rừng cộng đồng chưa có quy định phối hợp nhiệm vụ, có khi làm việc chồng chéo nhiệm vụ của nhau, có khi bỏ ngỏ những chức năng, nhiệm vụ được giao. Sự chồng chéo chức năng nhiệm vụ trong ngành lâm nghiệp kéo dài khá nhiều năm chưa được cấp có thẩm quyền giải quyết đã gây ảnh hưởng không ít đến thành quả của ngành.

2.1.3. Chia sẻ lợi ích trong quản lý rừng cộng đồng

Một trong những yếu tố quan trọng để duy trì và phát triển mô hình quản lý rừng cộng đồng là lợi ích mang lại cho người dân thông qua những nỗ lực quản lý bảo vệ rừng của họ. Tài sản rừng mang lại nguồn lợi chủ yếu từ rừng của cộng đồng chính là gỗ, củi, các loại lâm sản ngoài gỗ và dịch vụ môi trường rừng. *Được khai thác gỗ*: Là một nguồn hưởng lợi chủ yếu từ rừng của cộng đồng. Tổng sản lượng gỗ được phép khai thác là tài sản chung của cộng đồng được cộng đồng phân bổ, trao quyền để các thành viên chiếm hữu sử dụng theo quy ước và các thủ tục khai thác theo quy định. Thực tiễn khai thác gỗ theo kế hoạch trong những năm qua nhìn chung không theo đúng kế hoạch. Lý do khi tính toán nhu cầu của cộng đồng thì hầu hết các hộ đều thể hiện nhu cầu khá lớn nhưng thực tế các hộ không khai thác những cây gỗ < 25cm để sử dụng trong việc gia đình do tốn kém khá nhiều công sức và các hộ đã dùng các vật liệu khác để thay thế cho nhu cầu sử dụng làm chuồng trại, hàng rào,... Một lý do quan trọng khác là số gỗ trên chỉ được phép sử dụng trong cộng đồng, không được bán trên thị trường. Ngoài ra nhu cầu gỗ gia dụng trên địa bàn thôn còn được giải quyết từ những nơi khác ngoài rừng của cộng đồng. Đối với cây gỗ đường kính > 40cm chủ yếu phục vụ cho nhu cầu gỗ gia dụng cho các hộ trong cộng đồng. *Về quyền được hưởng lợi từ lâm sản ngoài gỗ*: Đây là nhóm sản phẩm rất đa dạng, mức độ giàu nghèo của nó phụ thuộc vào trạng thái rừng được giao, đồng thời phụ thuộc vào kinh nghiệm, kiến thức sử dụng rừng của người dân tộc thiểu số tại chỗ. Với các chính sách hưởng lợi trong GDGR hiện hành, người nhận rừng được hưởng toàn bộ lâm sản ngoài gỗ, điều này phù hợp với thực tế và bảo đảm cho người dân có được các nguồn thu từ lâm sản ngoài gỗ cho đời sống, sản xuất, chữa bệnh và tạo ra một phần thu nhập. Tuy vậy, trong hiện tại cũng như trong tương lai, lâm sản ngoài gỗ là một tiềm năng lớn trong phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học, do đó cũng cần có những giải pháp quản lý, phát triển bền vững dựa vào kiến thức bản địa và truyền thống của cộng đồng. *Được trồng cây nông nghiệp trên đất chưa có rừng*: Cộng đồng sử dụng đất rừng như là quyền đương nhiên gắn với rừng được giao, ở Không Nô cộng đồng được sử dụng diện tích đất rừng là 10% cho mục đích sản xuất nông

nghiệp. Cộng đồng phân chia diện tích đất được phép canh tác này cho các thành viên và giám sát việc sử dụng chúng (mỗi hộ được phân bổ 3-4 sào để trồng mỳ hoặc tùy theo nhu cầu nhận đất, vì hộ có thể có đất canh tác ngoài diện tích rừng cộng đồng). Các quyền đối với đất rừng có ý nghĩa lớn khi sinh kế của người dân đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ hiện vẫn phụ thuộc rất nhiều vào các nguồn lực đất đai. Việc cộng đồng được canh tác nông nghiệp trên đất rừng được giao là động lực chính để người dân tiếp cận rừng. Ngoài thế mạnh đất rừng và lâm sản thì dịch vụ môi trường rừng cũng cần được nhìn nhận và đánh giá đầy đủ. Vì đây là nguồn lợi tiềm năng để phát huy cũng như có thể đem lại nguồn tài chính đáng kể cho cộng đồng, đặc biệt nó có ý nghĩa đối với các khu rừng giao là non và nghèo, chưa tạo ra các thu nhập ngay từ lâm sản. Bao gồm việc chi trả dịch vụ môi trường rừng: Như bảo vệ nguồn nước cho thủy lợi, thủy điện; thu hút khí CO₂ gây hiệu ứng nhà kính; du lịch sinh thái; bảo tồn đa dạng sinh học. Tuy nhiên phương pháp định giá và cơ chế chính sách để thực hiện việc chi trả các dịch vụ này là những vấn đề còn bỏ ngỏ, thử thách và đòi hỏi có những nghiên cứu, thảo luận để tạo ra sự thống nhất. Nhưng có thể thấy rằng khi mà vai trò của rừng tự nhiên ngày càng quan trọng đối với sự thay đổi khí hậu và môi trường, thì các cơ chế chi trả, đền bù cho người bảo vệ rừng là rất cần thiết. Ở nước ta hiện nay đang có cơ chế chi trả cho người dân bảo vệ các khu rừng phòng hộ và đặc dụng với đơn giá 100.000VNĐ/ha/năm, về thực chất đây là chi trả cho việc bảo vệ môi trường. Tuy nhiên các khu rừng sản xuất được giao cho cộng đồng thì không được chi trả dịch vụ này, trong khi đó các khu rừng này thường nghèo kiệt, người nhận rừng không được lợi ích nhiều từ khu rừng đó và phải bỏ công để bảo vệ, do đó các khu rừng được giao có khả năng bị chặt phá, chuyển đổi mục đích sử dụng. Vì vậy vấn đề chi trả dịch vụ môi trường rừng của các khu rừng sau nương rẫy, nghèo kiệt được giao cho cộng đồng là cần thiết để có thể thu hút sự quan tâm của người nhận rừng trong bảo vệ và phát triển rừng lâu dài.

2.1.4. Điểm mạnh, yếu trong quản lý rừng cộng đồng ở huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông

Điểm mạnh. Gắn liền với chỉ đạo điều hành của hệ thống chính trị cơ sở với nhiệm vụ quản lý rừng của thôn: Trong cấu trúc quản lý rừng cộng đồng thôn, trưởng thôn kiêm trưởng ban quản lý rừng cộng đồng, một số thành viên trong lãnh đạo thôn, tổ dân cư là thành viên của ban quản lý rừng và các tổ nòng cốt là một yếu tố thuận lợi trong công việc chỉ đạo, điều hành các hoạt động quản lý rừng. Thôn không phải là cấp chính quyền nhưng ở cấp thôn hiện nay hầu hết có Chi bộ Đảng có vai trò lãnh đạo toàn diện các lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực quản lý rừng. Trường hợp thôn Phú Lợi, xã Quảng Phú, trong Nghị quyết Chi bộ Đảng đã đưa vào nhiệm vụ quản lý rừng cộng đồng, có đề ra các giải pháp thực hiện nhiệm vụ và phân công đảng viên phụ trách từng lĩnh vực, từng cụm dân cư để thực hiện. Các chuyên đề chỉ đạo của UBND xã về quản lý rừng đều có thôn trưởng tham dự, tiếp thu và triển khai thực hiện ở thôn theo cơ chế hoạt động của chính quyền cơ sở. Các thông tin, báo cáo quản lý rừng được cập nhật theo đúng quy định về chế độ báo cáo của thôn với UBND xã. Các khó khăn của thôn đề xuất được UBND xã phân công người đến hỗ trợ. Phù hợp với khả năng quản lý, giám sát của các cơ quan quản lý Nhà nước hiện nay: Trong điều kiện thực tiễn về năng lực hạn chế của bộ phận quản lý Nhà nước như hiện nay, quản lý rừng cộng

đồng tỏ ra phù hợp hơn so với nhóm hộ và hộ gia đình. Điều đó thể hiện trên hai khía cạnh sau: Thứ nhất, Ban quản lý rừng cộng đồng thôn đã thực hiện nhiều nhiệm vụ do UBND xã chỉ đạo, làm giảm bớt nhiệm vụ của các cơ quan Nhà nước. Thứ hai, giao rừng cho cộng đồng có số lượng đầu mỗi ít hơn giao rừng cho nhóm hộ và hộ gia đình. UBND xã, cơ quan quản lý Nhà nước sẽ thuận lợi hơn trong chỉ đạo, kiểm tra và giám sát. Khả năng hợp tác giữa các bộ phận, các thành viên trong cộng đồng tạo ra sức mạnh trong quản lý rừng: Như đã phân tích cấu trúc tổ chức quản lý rừng cộng đồng, bộ phận chủ thể có tính tổ chức cao hơn cấu trúc quản lý rừng nhóm hộ và hộ gia đình. Bộ phận Ban quản lý rừng cộng đồng có vai trò lãnh đạo cao nhất, trong điều hành thực hiện các hoạt động quản lý rừng, phân công trách nhiệm cho các tổ quản lý rừng. Các tổ quản lý rừng huy động các hộ gia đình thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ được Ban quản lý rừng cộng đồng phân công. Giữa các tổ quản lý rừng trong thôn hỗ trợ lẫn nhau trong quản lý bảo vệ rừng. Giữa các hộ thành viên trong các tổ hỗ trợ, thay phiên nhau tuần tra bảo vệ. Số lần tuần tra bảo vệ trong một tháng cao hơn các hình thức quản lý rừng theo nhóm hộ và hộ gia đình nhưng mức chi phí nhân công tuần tra bảo vệ bình quân thấp hơn các hình thức quản lý rừng khác. Khả năng giảm các mâu thuẫn giữa các thành viên trong cộng đồng: Trong phương thức quản lý rừng tư nhân, mâu thuẫn thường xuất hiện và gay gắt nhất là mâu thuẫn về lợi ích giữa các bộ phận khác nhau trong cộng đồng. Điển hình là mâu thuẫn giữa hộ quản lý rừng và hộ không quản lý rừng. Thông thường ở các trường hợp quản lý rừng tư nhân, các hộ không được giao rừng nhưng họ vẫn có nhu cầu sử dụng gỗ để làm nhà ở, vật liệu trong sản xuất các loại rau quả. Các vật liệu này họ không thể mua, vì vậy họ đã lén lút vào khai thác trộm ở những khu rừng đã được giao cho hộ khác. Mâu thuẫn đã xảy ra, đã có rất nhiều hộ xảy ra xung đột và báo cáo chính quyền địa phương để giải quyết. Tuy nhiên đối với trường hợp quản lý rừng cộng đồng ở huyện Krông Nô đã không xảy ra điều đó do hầu hết các hộ đều tham gia quản lý rừng, họ đều có quyền hưởng lợi công bằng đối với các nhu cầu thiết yếu về gỗ làm nhà, vật liệu làm chuồng trại. Tính bền vững của chủ thể quản lý rừng cộng đồng cao: Bộ phận chủ thể là cộng đồng thôn được pháp luật thừa nhận, có những đặc trưng về văn hoá, truyền thống gắn bó giữa các thành viên trong cộng đồng; có bộ máy quản lý khá toàn diện các lĩnh vực như Đảng, Nhà nước, Đoàn thể. Những điều đó cho thấy tính tổ chức, tính bền vững cao hơn so với các phương thức quản lý rừng khác.

Điểm yếu. Các thành viên trong ban quản lý rừng cộng đồng Thôn Phú Lợi và Bon Choil không được đào tạo chuyên môn trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng; trang thiết bị để phục vụ công tác quản lý bảo vệ rừng còn hạn chế, không có các thiết bị điện tử, các máy móc, công cụ hỗ trợ để phục vụ trong công tác quản lý, bảo vệ, theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp đối với diện tích rừng đơn vị quản lý; Thành viên Ban quản lý rừng của thôn chỉ có trưởng thôn, các thành viên khác trong Ban quản lý thôn như lãnh đạo Chi bộ thôn, phó trưởng thôn, một số các đoàn thể thôn không tham gia vào Ban quản lý rừng gây khó khăn cho điều hành của thôn đối với nhiệm vụ quản lý rừng khi không có thôn trưởng. Các thành viên khác trong Ban quản lý rừng khó điều hành, hoặc điều hành kém hiệu quả hơn khi thành viên Ban quản lý rừng là lãnh đạo của thôn.

2.2. Một số giải pháp nhằm tăng cường quản lý, sử dụng rừng cộng đồng ở huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông

2.2.1. Giải pháp về mặt kinh tế

Hỗ trợ phát triển kinh tế bằng các giải pháp hỗ trợ vốn, nâng cao năng lực, kỹ năng sản xuất, trên cơ sở khả năng phát triển của cộng đồng để tạo sinh kế phát triển bền vững từ đó giảm áp lực vào rừng tự nhiên. Đầu tư phát triển thị trường lâm sản, đặc biệt là các lâm sản ngoài gỗ như các loại dược liệu, song mây, dầu, nhựa. Phần lớn những lâm sản có giá cả không ổn định, một phần do số lượng ít không hình thành được thị trường, một phần khác do thiếu thông tin về thị trường. Điều này không khuyến khích người dân hướng vào sản xuất và kinh doanh lâm sản. Đầu tư phát triển thị trường lâm sản vừa góp phần làm tăng thu nhập kinh tế, vừa lôi cuốn được người dân vào bảo vệ và phát triển rừng. Khi giao rừng tự nhiên cho cộng đồng quản lý và sử dụng, nên trao cho cộng đồng toàn quyền quyết định khai thác và sử dụng lâm sản. Cần công nhận rừng cộng đồng là tài sản của cộng đồng, cộng đồng có trách nhiệm quản lý, sử dụng lâm sản theo luật bảo vệ và phát triển rừng.

2.2.2. Giải pháp về mặt xã hội

Bổ sung và từng bước hoàn chỉnh hệ thống chính sách của Chính phủ và Ngành lâm nghiệp mà trước mắt cần thể chế hoá chính sách cấp ngành về phát triển LNCĐ bằng một văn bản hướng dẫn thực hiện LNCĐ để các cấp, các địa phương làm cơ sở thực hiện.

Quan thực tiễn quản lý rừng cộng đồng ở Krông Nô cho thấy cần xây dựng và hình thành tổ chức Ban phát triển nông, lâm nghiệp ở cấp xã, để tổ chức thực hiện và giám sát các hoạt động bảo vệ và sản xuất kinh doanh rừng theo các quy định của nhà nước. Thu hút các tổ chức xã hội như: Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, các tổ chức Đảng, Đoàn Thanh niên,... tham gia vào công tác quản lý, bảo vệ rừng; bên cạnh đó cần đặc biệt coi trọng vai trò của già làng, những người có uy tín trong cộng đồng làm chỗ dựa, làm hạt nhân trong việc tổ chức thực phương án quản lý rừng và hoạt động tự quản trong cộng đồng. các tổ chức này có vai trò rất lớn trong việc vận động nhân dân thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước góp phần ổn định xã hội, tạo điều kiện cho hoạt động sản xuất phát triển. Cung cấp thường xuyên các tài liệu, sách báo phục vụ đồng bào, hướng dẫn nhân rộng những mô hình cộng đồng bảo vệ rừng tốt gắn với nâng cao đời sống cộng đồng. Xây dựng quy chế phối hợp giữa lực lượng kiểm lâm với chính quyền xã. Thiếu sự phối hợp này là một trong những nguyên nhân của hiệu quả quản lý bảo vệ rừng chưa cao. Vì vậy, cần có sự phối hợp tốt hoạt động, để thực hiện hiệu quả những nhiệm vụ chung vận động nhân dân tham gia bảo vệ rừng và ngăn chặn các hành vi xâm hại tài nguyên rừng.

3. KẾT LUẬN

Nhìn chung giao rừng cho cộng đồng tạo cơ chế để người dân tham gia trực tiếp, có tính liên kết cả bên trong và bên ngoài cộng đồng vào quản lý sử dụng rừng. Tuy nhiên qua thực trạng quản lý rừng cộng đồng ở bon Bu Nor phản ánh khả năng nguồn lực của cộng đồng để thực thi các quyền đối với rừng phụ thuộc lớn vào bên ngoài qua các dự án hỗ trợ có tính ngắn hạn. Trong khi đó ở cấp địa phương hầu như không tồn tại cơ chế hỗ trợ nào từ phía

Nhà nước cho việc đầu tư và phát triển rừng của cộng đồng. Bên cạnh đó hưởng lợi từ rừng nhất là lợi ích kinh tế chưa trở thành động lực chính cho phát triển rừng cộng đồng. Vị trí, phân loại và chất lượng rừng có ảnh hưởng đến lợi ích kinh tế nhất là hưởng lợi trước mắt của người dân nhưng trên thực tế tài nguyên rừng giao cho cộng đồng là đất trống, rừng nghèo và rừng non, các nguồn thu nhập từ rừng trước mắt rất thấp, chưa đóng góp đáng kể giúp cải thiện đời sống và giảm nghèo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trương Bi (2006), *Nghi lễ cổ truyền của người M'Nông*, Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
2. Bảo Huy (2009), *Xây dựng cơ chế hưởng lợi trong quản lý rừng cộng đồng*, Kỷ yếu hội thảo Quốc gia về quản lý rừng cộng đồng ở Việt Nam: Chính sách và thực tiễn IUCN, Tổng cục lâm nghiệp, RECOFTC. Phương án giao đất lâm nghiệp tại thôn Phú Lợi – xã Quảng Phú, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông. UBND tỉnh Đắk Nông năm 2008.
3. Phạm Thanh Quế (2014), *Một số giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng đất rừng giao cho cộng đồng tại Việt Nam*, Kỷ yếu hội thảo: “Pháp luật, chính sách đất đai đối với nông nghiệp, nông thôn, nông dân ở Việt Nam hiện nay”, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, tháng 12, tr. 76-80.
4. Đàm Trọng Tuấn (2012), *Giao đất, giao rừng tại cộng đồng dân tộc thiểu số miền núi*, Viện nghiên cứu sinh thái chính sách xã hội – SPERI.
5. UBND tỉnh Đắk Nông (2019), *Báo cáo quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2018 - 2025 tỉnh Đắk Nông*.
6. Viện nghiên cứu văn hóa (2004), *Tìm hiểu Luật tục các dân tộc Nam Tây Nguyên*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội.

COMMUNITY FOREST MANAGEMENT OF M'NONG PEOPLE IN KRONG NO DISTRICT, DAK NONG PROVINCE: CURRENT SITUATION AND SOLUTIONS

Abstract: Based on traditional experience and community opinion, community forest management is aimed to enhance the capacity and the cooperation in terms of sharing experiences with the community and involved groups. This activity is expected to sustainably manage resources and improve the living conditions of ethnic minorities in the forest. The article uses qualitative research method and provides an overview about the current situation of community forest management of M'nong people in Krong No district, Dak Nong province. Accordingly, we also propose some solutions for effectively managing local community forest resources in the future.

Keyword: Community forest management, M'Nong people, Krong No, Dak Nong.